

STT	Lớp 11	MSHS 22-23	Lớp 10 21-22	Họ và tên HS	NỮ	ĐIỂM TBM	Danh hiệu
01	B04	B04-01	C13-02	Nguyễn Võ Ngọc Anh	x	7.90	HSTT
02	B04	B04-02	C11-06	Lương Hưng Bảo		7.90	HSTT
03	B04	B04-03	C09-04	Trương Quốc Bảo		8.50	HSG
04	B04	B04-04	C11-07	Vũ Gia Bảo		7.30	
05	B04	B04-05	C11-11	Voòng Lập Doanh	x	8.60	HSTT
06	B04	B04-06	C05-45	Phạm Hoàng Dũng		7.80	HSTT
07	B04	B04-07	C09-05	Phạm Anh Đào	x	8.10	HSTT
08	B04	B04-08	C09-07	Nguyễn Lý Gia Hân	x	8.30	HSTT
09	B04	B04-09	C09-08	Phạm Thị Ngọc Hân		7.90	HSTT
10	B04	B04-10	C11-14	Lương Gia Hậu		8.50	HSTT
11	B04	B04-11	C09-12	Trần Thị Thanh Huyền	x	7.80	HSTT
12	B04	B04-12	C09-14	Nguyễn Quốc Khánh		6.90	
13	B04	B04-13	C11-19	Nguyễn Minh Khoa		7.50	HSTT
14	B04	B04-14	C09-15	Nguyễn Hoàng Minh Khôi		7.90	HSTT
15	B04	B04-15	C13-18	Quách Anh Khôi		7.40	HSTT
16	B04	B04-16	C13-20	Nguyễn Hoàng Thành Long		7.10	
17	B04	B04-17	C09-19	Lê Nhật Minh	x	8.60	HSG
18	B04	B04-18	C11-21	Huỳnh Thị Diễm My	x	8.10	HSTT
19	B04	B04-19	C09-22	Nguyễn Khánh Ngân	x	8.00	HSTT
20	B04	B04-20	C11-25	Nguyễn Thị Quỳnh Ngân	x	7.40	
21	B04	B04-21	C13-24	Nguyễn Trần Bảo Nghi	x	8.60	HSTT
22	B04	B04-22	C05-16	Tăng Đặng Thanh Ngọc	x	7.40	HSTT
23	B04	B04-23	C05-20	Trần Hải Nhạn	x	8.20	HSTT
24	B04	B04-24	C09-25	Nguyễn Ngọc Bảo Nhi	x	8.00	HSTT
25	B04	B04-25	C13-27	Võ Thị Tú Nhi	x	8.70	HSG
26	B04	B04-26	C05-23	Nguyễn Hoàng Oanh	x	8.30	HSTT
27	B04	B04-27	C09-26	Trần Lê Kiều Oanh	x	8.10	HSTT
28	B04	B04-28	C05-26	Vòng Mạnh Quân		7.60	HSTT
29	B04	B04-29	C05-29	Nguyễn Vũ Trúc Quỳnh	x	8.20	HSTT
30	B04	B04-30	C11-35	Nguyễn Văn Sang		8.30	HSG
31	B04	B04-31	C05-38	Trương Ngô Ngọc Thụy	x	7.80	HSTT
32	B04	B04-32	C13-46	Nguyễn Minh Thư	x	7.70	HSTT
33	B04	B04-33	C09-35	Nguyễn Thị Anh Thư	x	8.40	HSTT
34	B04	B04-34	C11-37	Phan Nguyên Thư	x	8.20	HSTT
35	B04	B04-35	C05-37	Trần Đặng Minh Thư	x	7.90	HSTT
36	B04	B04-36	C05-39	Vi Tú Trân	x	7.80	HSTT
37	B04	B04-37	C09-39	Võ Ngọc Phương Triều	x	8.20	HSTT
38	B04	B04-38	C11-41	Trần Thị Như Tường	x	7.90	HSTT
39	B04	B04-39	C11-42	Lê Huỳnh Thảo Uyên	x	7.80	HSTT
40	B04	B04-40	C09-43	Trần Phạm Phương Uyên	x	7.80	HSTT
41	B04	B04-41	C09-42	Vũ Hoàng Phương Uyên	x	8.50	HSG
42	B04	B04-42	C05-43	Phan Hào Vỹ		8.40	HSG
43	B04	B04-43	C05-44	Lê Nguyên Cát Tường	x	6.10	